

SỞ NỘI VỤ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC THÀNH PHỐ
HÀ NỘI NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23771 /QĐ-HĐTD

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt mã nhóm chuyên ngành kỳ tuyển dụng
công chức thành phố Hà Nội năm 2024

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Kế hoạch số 1396/KH-SNV ngày 24/4/2024 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 23563/QĐ-SNV ngày 24/4/2024 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức làm việc tại các sở, cơ quan tương đương sở; UBND các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2024;

Theo đề nghị của Thư ký Hội đồng tuyển dụng công chức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 28 mã nhóm chuyên ngành kỳ tuyển dụng công chức thành phố Hà Nội năm 2024 (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ danh mục mã nhóm chuyên ngành đã được phê duyệt, các cơ quan chuyên môn đề xuất nội dung ôn tập môn nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) kỳ tuyển dụng công chức thành phố Hà Nội năm 2024.

Điều 3. Hội đồng tuyển dụng công chức; các sở, cơ quan tương đương sở; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 7

Nơi nhận: *H*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HĐTD (Đợt 05b).

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Trần Đình Cảnh

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG
CHỨC NĂM 2024



Phụ lục

MÃ NHÓM CHUYÊN NGÀNH KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23771/QĐ-HĐTD ngày 28/5/2024 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
1	Lĩnh vực Văn phòng - Tổng hợp (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Văn phòng UBND Thành phố)					
1.1	Phòng Tổng hợp, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Tài chính-Kinh tế; Quản trị kinh doanh; Luật; Tài chính - Thương mại quốc tế; Kinh tế; Hành chính; Quản lý kinh tế; Ngoại ngữ; Lưu trữ Quản trị văn phòng; Chính sách công; Báo chí; Bảo hiểm; Kiến trúc sư	1	VP
1.2	Văn phòng Sở Công thương	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật, Kinh tế, Hành chính, Văn phòng, Quản lý - Quản trị	1	VP
1.3	Văn phòng Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Luật, Giao thông vận tải; Kinh tế; Kế toán; Hành chính.	1	VP
1.4	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Chính sách công, Khoa học quản lý, Chính trị học, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng.	1	VP
1.5	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản trị văn phòng, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Chính sách công, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quan hệ lao động	1	VP
1.6	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý công, Luật, Quản lý nhà nước, Hành chính học, Quản trị nhân lực.	1	VP
1.7	Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc, Quy hoạch, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý nhà nước, hành chính học.	1	VP
1.8	Văn phòng HĐND và UBND quận Ba Đình	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý công, Luật, Hành chính, Quản lý Nhà nước.	1	VP
1.9	Văn phòng HĐND và UBND quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	VP
1.10	Văn phòng HĐND và UBND huyện Ba Vì	Hành chính tổng hợp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật; Hành chính; Quản trị nhân lực; Công tác xã hội.	1	VP
2	Lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực, cải cách hành chính, tôn giáo, tín ngưỡng, thi đua - khen thưởng (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nội vụ)					
2.1	Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản trị nguồn nhân lực; Kinh tế; Văn hóa; Chính trị học; Luật; Văn thư lưu trữ; Quản lý công; Báo viết; Quản trị văn phòng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính kế toán; Quản lý hành chính công.	1	NV1
2.2	Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Quản lý nhà nước, quản trị nhân lực.	1	NV1
2.3	Văn phòng Sở Tài chính	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản trị nhân lực, Luật, Luật Kinh tế, Kinh tế học, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh.	1	NV1
2.4	Phòng Nội vụ quận Cầu Giấy	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Quản lý nguồn nhân lực	1	NV1

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
2.5	Văn phòng Sở Du lịch	Chuyên viên về Cải cách hành chính	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật kinh tế, Quản lý nhà nước; Quản lý kinh tế; Quản lý công; Quản trị văn phòng; Kinh tế; Kinh tế phát triển; Kinh tế chính trị; Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính	1	NV1
2.6	Phòng Nội vụ huyện Gia Lâm	Quản lý Thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Luật, Xã hội học	1	NV1
2.7	Phòng Nội vụ huyện Gia Lâm	Quản lý cải cách hành chính	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Luật.	1	NV1
2.8	Phòng Nội vụ huyện Thường Tín	Quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Hán Nôm	1	NV1
2.9	Phòng Nội vụ huyện Phú Xuyên	Quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên	Đại học trở lên các ngành: Hành chính, Quản trị nhân lực, Tôn giáo	1	NV1
3	Lĩnh vực quản lý Văn thư - Lưu trữ (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nội vụ)					
3.1	Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Văn thư viên	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ; lưu trữ học; lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	3	NV2
3.2	Phòng Hành chính - Quản trị, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Văn thư viên	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư lưu trữ; lưu trữ học.	1	NV2
3.3	Phòng Hành chính - Quản trị, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Lưu trữ	1	NV2
3.4	Văn phòng Sở Giao thông Vận tải	Văn thư viên	Văn thư viên	Đại học trở lên ngành Văn thư, lưu trữ	1	NV2
3.5	Văn phòng HĐND và UBND quận Bắc Từ Liêm	Chuyên viên Văn thư	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ học, Lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	1	NV2
3.6	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Lưu trữ. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành lưu trữ.	1	NV2
3.7	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn thư viên	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư- lưu trữ, lưu trữ học; lưu trữ học và quản trị văn phòng.	1	NV2
3.8	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	Đại học trở lên các ngành, chuyên ngành: Văn thư, lưu trữ; Lưu trữ học và Quản trị văn phòng.	1	NV2
3.9	Văn phòng Sở Tài chính	Văn thư viên	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ học.	1	NV2
3.10.	Văn phòng HĐND và UBND quận Long Biên	Văn thư	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ học, Lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	1	NV2

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
3.11.	Văn phòng HĐND và UBND huyện Đan Phượng	Văn thư	Văn thư viên	Đại học trở lên, ngành: Văn thư - lưu trữ, Lưu trữ học, Lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ	1	NV2
4	Lĩnh vực Kế toán, thủ quỹ (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Tài chính)					
4.1	Phòng Hành chính - Quản trị, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính kế toán,	1	TC1
4.2	Văn phòng Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán	1	TC1
4.3	Văn phòng Ban Dân tộc	Kế toán viên	Kế toán viên	Đại học trở lên, ngành: Kế toán, Kiểm toán	1	TC1
5	Lĩnh vực quản lý Tài chính - Ngân sách (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Tài chính)					
5.1	Phòng Quản lý Đường sắt đô thị, Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Giao thông vận tải; Tài chính; Kinh tế; Đầu tư.	1	TC2
5.2	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán	1	TC2
5.3	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế học, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh	2	TC2
5.4	Phòng Tin học và thống kê, Sở Tài chính	Chuyên viên về thống kê	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Thống kê, Kinh tế học, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh.	3	TC2
5.5	Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế học, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại.	1	TC2
5.6	Phòng Pháp chế và Chính sách tài chính, Sở Tài chính	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế học, Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - ngân hàng, Quản trị kinh doanh	4	TC2
5.7	Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Tài chính, Kế toán, Kinh tế xây dựng	1	TC2
5.8	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Long Biên	Quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Tài chính, Kế toán, Kinh tế, Kế toán kiểm toán.	1	TC2
5.9	Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kế toán	1	TC2
5.10.	Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Tài chính - Ngân hàng	1	TC2
6	Lĩnh vực quản lý đầu tư (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Kế hoạch và Đầu tư)					
6.1	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Thanh Trì	Chuyên viên Quản lý về đầu tư	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	1	KH
7	Lĩnh vực quản lý thương mại và công nghiệp (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Công thương)					
7.1	Phòng Quản lý Công nghiệp, Sở Công thương	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Quản lý chuỗi cung ứng, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản lý nhà nước, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án	1	CT
7.2	Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công thương	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế số.	1	CT
7.3	Phòng Kinh tế quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản trị kinh doanh	1	CT

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
7.4	Phòng Kinh tế thị xã Sơn Tây	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản trị Marketing, Quản trị kinh doanh	1	CT
7.5	Phòng Kinh tế huyện Đan Phượng	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế, Thương mại, Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Luật, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế	1	CT
8	Lĩnh vực quản lý giao thông - vận tải (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Giao thông - Vận tải)					
8.1	Phòng Phát triển công nghệ giao thông vận tải, Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công nghệ thông tin; Giao thông vận tải; Điện tử; Viễn thông; Luật.	1	GT
8.2	Phòng Phát triển công nghệ giao thông vận tải, Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành: Công nghệ thông tin; Giao thông vận tải; Điện tử; Viễn thông; Luật;	1	GT
8.3	Phòng Quản lý Đường sắt đô thị, Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường sắt)	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Giao thông vận tải; Đường sắt; Luật.	1	GT
8.4	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Chuyên viên kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	1	GT
8.5	Phòng Quản lý Chất lượng công trình giao thông, Sở Giao thông Vận tải	Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng cầu - đường; Cầu - hầm; Đường sắt; Cầu đường sắt; Điện; Cấp - thoát nước; Đường hầm và Metro; Kinh tế xây dựng.	1	GT
9	Lĩnh vực quản lý khoa học - công nghệ (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Khoa học và Công nghệ)					
9.1	Phòng An toàn bức xạ và hạt nhân, Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Vật lý học, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân	1	KC
9.2	Phòng An toàn bức xạ và hạt nhân, Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Vật lý học, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Công nghệ kỹ thuật hạt nhân, Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân	1	KC
9.3	Ban Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Khoa học sự sống, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ (kỹ thuật) hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường, Khoa học vật liệu, Quản lý Khoa học và Công nghệ.	1	KC
10	Lĩnh vực quản lý dân tộc (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Ban Dân tộc)					
10.1	Phòng Nghiệp vụ Ban Dân tộc	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kinh tế, Văn hóa, Báo chí, Luật, Tài chính, Kế toán	1	DT
11	Lĩnh vực quản lý du lịch (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Du lịch)					
11.1	Phòng Truyền thông và hợp tác du lịch, Sở Du lịch	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Marketing; Truyền thông quốc tế	1	DL
11.2	Phòng Văn hóa và Thông tin quận Hoàn Kiếm	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản trị Du lịch	1	DL
12	Lĩnh vực quản lý trồng trọt (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
12.1	Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về quản lý trồng trọt	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng, Nông học, Nông hoá thổ nhưỡng, Khoa học đất, Hoá học, Sinh học, Khuyến nông, Lâm nghiệp đô thị, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.	1	NN1
13	Lĩnh vực quản lý phòng chống thiên tai (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
13.1	Phòng Kinh tế huyện Thường Tín	Quản lý thủy lợi, đề điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn	Chuyên viên	Đại học trở lên, chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước	1	NN2
14	Lĩnh vực quản lý chăn nuôi (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
14.1	Đội Kiểm dịch động vật lưu động, Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm dịch viên động vật	Kiểm dịch viên động vật	Đại học trở lên, ngành: Chăn nuôi; Chăn nuôi, thú y; Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản.	1	NN3
15	Lĩnh vực quản lý lâm nghiệp (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)					
15.1	Hạt Kiểm lâm số 4, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	Đại học trở lên, ngành Lâm học, Luật, Chế biến lâm sản	1	NN4
15.2	Trạm Kỹ thuật Dự báo Phòng cháy và Chữa cháy rừng, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	Đại học trở lên, ngành: Lâm học, Luật, Chế biến lâm sản	1	NN4
15.3	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm viên	Kiểm lâm viên	Đại học trở lên, ngành: Lâm học, Luật, Chế biến lâm sản	1	NN4
16	Lĩnh vực quản lý đất đai (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Tài nguyên và Môi trường)					
16.1	Phòng Quy hoạch - Kế hoạch sử dụng đất, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên Quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đất đai - Khoa học địa lý	1	TN1
16.2	Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	1	TN1
16.3	Phòng Đăng ký thống kê đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đất đai	1	TN1
16.4	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Ba Đình	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý đất đai	1	TN1
16.5	Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Mê Linh	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Đo đạc, Bản đồ, Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính, Địa chính học	1	TN1
16.6	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Long Biên	Quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Đo đạc, Bản đồ, Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính.	1	TN1
16.7	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sơn Tây	Chuyên viên về Khoáng sản	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật địa chất, Khoáng sản	1	TN1
16.8	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sóc Sơn	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành kỹ thuật trắc địa - bản đồ	1	TN1
16.9	Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Ứng Hòa	Đo đạc và bản đồ	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Đo đạc, Bản đồ, Quản lý đất đai, Quản lý ruộng đất, Địa chính, Địa chính học	1	TN1
16.10	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đất đai	1	TN2
17	Lĩnh vực quản lý môi trường (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Tài nguyên và Môi trường)					

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
17.1	Phòng Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Khoa học môi trường	1	TN2
17.2	Ban Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Chuyên viên về quản lý môi trường	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Môi trường, Khoa học, Công nghệ	1	TN2
17.3	Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hoàng Mai	Quản lý Môi trường	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	1	TN2
17.4	Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Thường Tín	Chuyên viên về quản lý môi trường	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, quản lý Tài nguyên và môi trường, Thủy văn	1	TN2
18	Lĩnh vực quản lý giáo dục (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Giáo dục và Đào tạo)					
18.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Ba Đình	Quản lý Trung học cơ sở	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm chuyên môn khối THCS	1	GD
18.2	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hoàng Mai	Quản lý Giáo dục THCS	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Sư phạm Tiếng Anh	1	GD
18.3	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Đức	Quản lý Giáo dục THCS	Chuyên viên	Đại học trở lên, các ngành Sư phạm khối THCS	1	GD
18.4	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phúc Thọ	Quản lý giáo dục THCS	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Sư phạm Toán	1	GD
18.5	Phòng Giáo dục và đào tạo quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin.	1	GD
18.6	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Sơn Tây	Chuyên viên về Quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Sư phạm giáo dục mầm non	1	GD
18.7	Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Hoàng Mai	Quản lý Giáo dục Tiểu học	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Sư phạm Tiểu học	1	GD
18.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phúc Thọ	Quản lý giáo dục mầm non	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Sư phạm khối mầm non	1	GD
19	Lĩnh vực quản lý lao động, thương binh và xã hội (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Lao động - TB & XH)					
19.1	Phòng Lao động - TB & XH quận Hoàn Kiếm	Chuyên viên về lao động, tiền lương	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kế toán	1	LĐ
19.2	Phòng Lao động - TB & XH huyện Hoài Đức	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Quản trị nhân lực và ngành quản lý nguồn nhân lực	1	LĐ
19.3	Phòng Lao động - TB & XH huyện Hoài Đức	Chính sách người có công	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Luật kinh tế	1	LĐ
19.4	Phòng Lao động - TB & XH huyện Gia Lâm	Người có công	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Chính sách công, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội, Luật, Tài chính, Kế toán	1	LĐ
19.5	Phòng Lao động - TB & XH quận Long Biên	Chuyên viên Bảo trợ xã hội	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công tác xã hội	1	LĐ
20	Lĩnh vực quản lý công nghệ thông tin và viễn thông (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Thông tin và Truyền thông)					
20.1	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành: công nghệ thông tin, tin học, quản trị mạng.	1	TT1
20.2	Phòng Hành chính - Tổ chức, Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: công nghệ thông tin, tin học, quản trị mạng, máy tính.	1	TT1
20.3	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	1	TT1
20.4	Phòng Bru chính - Viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về quản lý về viễn thông	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật Điện, Điện tử; Kỹ thuật Điện tử viễn thông; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Khoa học máy tính.	1	TT1
20.5	Phòng Bru chính - Viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật Điện, Điện tử; Kỹ thuật Điện tử viễn thông; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Khoa học máy tính .	1	TT1

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
20.6	Phòng Công nghiệp công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (công nghiệp công nghệ thông tin)	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Tin học, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật máy tính, Tin học ứng dụng, Điện tử tin học, Điện tử - Viễn thông và các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính, Công nghệ thông tin, Điện tử - Viễn thông.	2	TT1
20.7	Phòng An toàn thông tin và Giao dịch điện tử, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin và các ngành khác thuộc nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin; Kỹ thuật điện, điện tử; Điện tử - viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	2	TT1
20.8	Văn phòng Sở Y tế	Công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	1	TT1
20.9	Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công nghệ thông tin, Tin học	1	TT1
20.10	Văn phòng HĐND và UBND quận Cầu Giấy	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công nghệ thông tin, Tin học.	1	TT1
20.11	Văn phòng HĐND và UBND quận Thanh Xuân	Công nghệ thông tin	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	1	TT1
20.12	Văn phòng HĐND và UBND huyện Thanh Trì	Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin (kiêm nhiệm chuyên viên về truyền thông)	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin	1	TT1
21	Lĩnh vực quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Thông tin và Truyền thông)					
21.1	Phòng Thông tin điện tử, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về Quản lý Phát thanh, truyền hình	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Báo chí; Báo chí học; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế.	1	TT2
21.2	Phòng Thông tin điện tử, Sở Thông tin và Truyền thông	Chuyên viên về Quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Báo chí; Báo chí học; Ảnh báo chí; Báo phát thanh; Báo truyền hình; Quay phim truyền hình; Báo mạng điện tử; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế.	1	TT2
21.3	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Mê Linh	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Công nghệ thông tin, Báo chí, Xuất bản, Bưu chính viễn thông, Truyền thông	1	TT2
22	Lĩnh vực quản lý về thanh tra (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Thanh tra Thành phố)					
22.1	Ban Tiếp công dân Thành phố, Văn phòng UBND Thành phố Hà Nội	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật; Hành chính; Xây dựng; Văn hóa xã hội; Tài nguyên môi trường .	1	TTR
22.2	Phòng Thanh tra - Hành chính, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Logistic và Vận tải đa phương thức	1	TTR
22.3	Đội Thanh tra GTVT huyện Đông Anh, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Hệ thống thông tin quản lý	1	TTR
22.4	Đội Thanh tra GTVT huyện Thạch Thất, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Giao thông vận tải; Luật.	1	TTR
22.5	Đội Thanh tra GTVT huyện Thanh Oai, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Giao thông vận tải; Luật.	1	TTR
22.6	Đội Thanh tra GTVT thị xã Ba Vì, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản trị kinh doanh	1	TTR
22.7	Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	TTR

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
22.8	Thanh tra Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên cở công tác thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật cấp thoát nước; Luật	1	TTR
22.9	Thanh tra quận Bắc Từ Liêm	Chuyên viên Thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Tài chính, Xây dựng, Quản lý đất đai	1	TTR
22.10	Thanh tra quận Hà Đông	Thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Thanh tra, Tài chính, Kinh tế, Quản lý đất đai, Địa chính, Xây dựng.	1	TTR
23.11	Thanh tra huyện Mỹ Đức	Thanh tra	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Tài chính, Kinh tế, Quản lý đất đai, Địa chính	1	TTR
24	Lĩnh vực quản lý về ngoại vụ (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Ngoại vụ)					
24.1	Phòng châu Á - Thái Bình Dương, châu Phi, Sở Ngoại vụ	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ Trung Quốc.	1	NGV
24.2	Phòng châu Âu, châu Mỹ, Sở Ngoại vụ	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quan hệ quốc tế; Kinh tế quốc tế; Kinh tế đối ngoại; Luật quốc tế; Ngôn ngữ tiếng Pháp; Ngôn ngữ tiếng Tây Ban Nha.	1	NGV
24.3	Phòng Tổng hợp - Đa phương, Sở Ngoại vụ	Chuyên viên về ngoại giao nhà nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quan hệ quốc tế.	1	NGV
24.4	Phòng Tổng hợp - Đa phương, Sở Ngoại vụ	Chuyên viên về lễ tân nhà nước	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ tiếng Anh.	1	NGV
24.5	Phòng Lãnh sự, Sở Ngoại vụ	Chuyên viên về lãnh sự	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ tiếng Anh; Luật.	1	NGV
25	Lĩnh vực quản lý về quy hoạch, kiến trúc (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Quy hoạch - Kiến trúc)					
25.1	Phòng Quy hoạch - kiến trúc Đô thị vệ tinh và nông thôn, Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình	1	QH
25.2	Phòng Quản lý sau quy hoạch, Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình	1	QH
25.3	Phòng Quản lý kiến trúc và hành nghề quy hoạch xây dựng, kiến trúc, Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Chuyên viên về quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc và Quy hoạch; Xây dựng; Quản lý đô thị và công trình	2	QH
25.4	Phòng Quản lý đô thị quận Hoàng Mai	Quản lý Quy hoạch kiến trúc	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kiến trúc	1	QH
25.5	Phòng Quản lý đô thị huyện Phú Xuyên	Quản lý kiến trúc; Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên các ngành: Kiến trúc, quy hoạch	1	QH
25.6	Phòng Quản lý đô thị huyện Sóc Sơn	Chuyên viên quản lý Quy hoạch và xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Quy hoạch vùng và đô thị	1	QH
25.7	Phòng Quản lý đô thị huyện Ứng Hòa	Quản lý kiến trúc	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Kiến trúc	1	QH
26	Lĩnh vực quản lý về tư pháp (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Tư pháp)					
26.1	Phòng Quản lý pháp chế và chính sách, Sở Tư pháp	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	TP
26.2	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Sở Tư pháp	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Báo chí, Truyền thông, Công nghệ thông tin.	1	TP
26.3	Phòng Tư pháp huyện Mê Linh	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên	Đại học trở lên chuyên ngành luật.	1	TP
26.4	Phòng Tư pháp huyện Đan Phượng	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	TP
26.5	Phòng Tư pháp huyện Mỹ Đức	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	TP
27	Lĩnh vực quản lý về xây dựng (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Xây dựng)					

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành
27.1	Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Cơ điện	1	XD
27.2	Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng dân dụng và Công nghiệp, Vật liệu xây dựng	1	XD
27.3	Phòng Phát triển đô thị, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật Xây dựng, Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	1	XD
27.4	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý nhà ở	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Địa chính, Quản lý Đất đai	1	XD
27.5	Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý thị trường bất động sản	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Địa chính, Quản lý Đất đai	1	XD
27.6	Phòng Quản lý cây xanh, chiếu sáng và công trình ngầm, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Hệ thống Điện	1	XD
27.7	Phòng Quản lý kỹ thuật và Giám định chất lượng, Sở Xây dựng	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	2	XD
27.8	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Ba Đình	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng, Kiến trúc, Luật	2	XD
27.9	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Bắc Từ Liêm	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật.	1	XD
27.10.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Bắc Từ Liêm	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý đô thị	1	XD
27.11.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Bắc Từ Liêm	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc.	1	XD
27.12.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Bắc Từ Liêm	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng.	1	XD
27.13.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Đống Đa	Chuyên viên Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Xây dựng	2	XD
27.14.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Hoàn Kiếm	Chuyên viên về Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kỹ thuật Xây dựng; Luật.	1	XD
27.15.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Hoàn Kiếm	Chuyên viên về Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý Xây dựng	1	XD
27.16.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận Hoàng Mai	Quản lý Trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng	1	XD
27.17.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thị xã Sơn Tây	Chuyên viên Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	XD
27.18.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thị xã Sơn Tây	Chuyên viên Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đất đai	1	XD
27.19.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị thị xã Sơn Tây	Chuyên viên Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng	2	XD
27.20.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Ba Vì	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quy hoạch - Kiến trúc	1	XD
27.21.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Ba Vì	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng	1	XD
27.22.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Ba Vì	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	XD
27.23.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Ba Vì	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đất đai	1	XD
27.24.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Chương Mỹ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Luật	1	XD
27.25.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Chương Mỹ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quy hoạch	1	XD

TT	Đơn vị cần tuyển dụng	Vị trí việc làm cần tuyển dụng	Ngạch công chức	Trình độ, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm	Số chỉ tiêu thi tuyển	Mã nhóm chuyên ngành	
27.26.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Chương Mỹ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp	1	XD	
27.27.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Đan Phượng	Quản lý trật tự xây dựng và đô thị thuộc huyện	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Kiến trúc, quy hoạch, Quản lý đô thị, Kế toán	2	XD	
27.28.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Đan Phượng	Quản lý trật tự xây dựng và đô thị thuộc huyện	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Luật, Luật Kinh tế.	3	XD	
27.29.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Đan Phượng	Quản lý trật tự xây dựng và đô thị thuộc huyện	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp;	1	XD	
27.30.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Đan Phượng	Quản lý trật tự xây dựng và đô thị thuộc huyện	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và Môi trường	1	XD	
27.31.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Gia Lâm	Quản lý trật tự xây dựng và đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng, Luật, Quản lý đất đai	2	XD	
27.32.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Hoài Đức	Chuyên viên quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Kiến trúc	1	XD	
27.33.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Hoài Đức	Chuyên viên quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Quy hoạch đô thị; Hạ tầng kỹ thuật đô thị	1	XD	
27.34.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Hoài Đức	Chuyên viên quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Xây dựng	1	XD	
27.35.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Mê Linh	Chuyên viên quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Quản lý đô thị, Xây dựng.	1	XD	
27.36.	Phòng Quản lý đô thị huyện Mỹ Đức	Quản lý xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kiến trúc	1	XD	
27.37.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Mỹ Đức	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Quản lý đô thị, Xây dựng	1	XD	
27.38.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Phúc Thọ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Công nghệ kỹ thuật xây dựng	1	XD	
27.39.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Phúc Thọ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Xây dựng	1	XD	
27.40.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Phúc Thọ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Kiến trúc	1	XD	
27.41.	Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện Phúc Thọ	Quản lý trật tự xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên ngành Luật	1	XD	
27.42.	Phòng Quản lý đô thị huyện Thường Tín	Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Kinh tế xây dựng	1	XD	
28	Lĩnh vực quản lý về Y tế (Đơn vị xây dựng nội dung ôn tập: Sở Y tế)						
28.1	Phòng Y tế quận Ba Đình	Quản lý Y tế cơ sở và Y tế dự phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Y học dự phòng	1	YT	
28.2	Phòng Y tế quận Đống Đa	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Y, Y tế công cộng	1	YT	
28.3	Phòng Y tế quận Đống Đa	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Y	1	YT	
28.4	Phòng Y tế quận Tây Hồ	Chuyên viên Quản lý nghiệp vụ y	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Bác sỹ y học cổ truyền	1	YT	
28.5	Phòng Y tế huyện Đan Phượng	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Y, Dược, Dinh dưỡng, Thực phẩm, Luật, Y tế công cộng	1	YT	
28.6	Phòng Y tế huyện Thanh Trì	Chuyên viên Dược	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành: Dược	1	YT	
28.7	Phòng Y tế quận Hoàng Mai	Quản lý Y tế cơ sở và Y tế dự phòng	Chuyên viên	Đại học trở lên, ngành Y học dự phòng	1	YT	
Tổng số chỉ tiêu					204		